

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2021.

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Ngô Thị Luân

+ Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị P – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐST ngày 09/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh **Đỗ Hoàn P**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có mặt còn anh P vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh P được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2012, đến năm 2013 thì chị T và anh P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị T và anh P chung sống hạnh phúc với nhau tới năm 2015 thì anh P có sa vào tệ nạn xã hội, không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng anh P vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống gia đình vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không giải quyết được. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên Chị T và anh P đã sống ly thân từ ngày 08/02/2017

đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vẫn không thể cải thiện được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị xác định có một con chung là Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị xác định không có và không yêu cầu gì. Về nợ chung, chị xác định không có.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng P đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ,... nhưng anh P đều không có văn bản trình bày cụ thể ý kiến của mình gửi cho Tòa án và đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập. Qua xác minh tại địa P thì được biết gia đình anh P đã bán nhà đất đi nơi khác sống không rõ địa chỉ, thỉnh thoảng anh P có về nhưng rồi lại đi ngay. Vì vậy, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng cho anh P theo quy định.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị T xác định chị và anh P chỉ liên lạc được với nhau bằng điện thoại, việc Tòa án giải quyết vụ án chị đều thông báo cho anh P biết nhưng anh P không có ý kiến gì. Về con chung chị T cho rằng từ khi vợ chồng sống ly thân cháu sống cùng bà nội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Đỗ Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn anh Đỗ Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt không rõ lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Hoàng P xây dựng gia đình với nhau năm 2012, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký

kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Tại phiên tòa, chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, vợ chồng chị T và anh P phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hơn nữa cả hai đều cố chấp nên không cố gắng tìm biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng mà lại sống ly thân từ 08/02/2017 cho đến nay không còn sự quan tâm chăm sóc nhau. Mặt khác, anh P cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ hôn nhân này, cụ thể trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Hoàng P được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Hoàng P có 01 con chung là Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2012. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao con chung cho anh P có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn do anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và có sự giúp đỡ của ông bà nội trong việc chăm sóc cháu. Hơn nữa tại phiên tòa chị T đồng ý giao con cho anh P nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Đỗ Hoàng Gia H, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Đỗ Hoàng P có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do anh P không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định không có và không yêu cầu gì còn anh P không có văn bản trình bày ý kiến cụ thể nên không đặt ra để xem xét trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục chung.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T, xử cho chị Nguyễn Thị Thu T và anh Đỗ Hoàn P được ly hôn.

2. Về con chung: giao con là Đỗ Hoàn Gia H, sinh ngày 31/12/2012 cho anh Đỗ Hoàn P có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014819 ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Hoàn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ban tư pháp xã Đ;
- Lưu hồ sơ – Tòa án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy

